

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 21 – 8 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Thị Y (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01-01-1961, tại Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Kinh Doanh; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X (chết) và bà Lê Thị D (chết); Anh chị em ruột có 09 người; Chồng ông Lê Văn V, có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1991) tiền án: Không có; tiền sự: Không có.

Bị khởi tố ngày 18/12/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 18/12/2023 đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Vĩnh P – Văn phòng luật sư Nguyễn Vĩnh P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (*Có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975. (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1987. *(Có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ B, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 18/10/2023, Lê Minh P1 (sinh năm 1995, đăng ký thường trú: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) và Nguyễn Văn T (sinh năm 1984, đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) đến nhà trọ Thanh V1 của bị cáo Trần Thị Y để tìm người mua dâm. Khi đến nhà trọ T2, Lê Minh P1 ghé vào quán cà phê Hương T1 cũng là quán của bị cáo Y đối diện nhà trọ T2 để uống cà phê, tại đây P1 gặp Nguyễn Thị L (sinh năm 1975, đăng ký thường trú: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng), P1 hỏi Lê là “ở đây có phục vụ không” *(tức P1 muốn hỏi L có bán dâm không)*, Lê mới trả lời là “Có, em nè”. Sau đó, P1 và Lê thỏa t giá mua bán dâm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với một lượt mua bán dâm, tiền phòng Lê thanh toán. Thỏa thuận xong L đưa P1 vào phòng trọ số 6 trong nhà trọ T2, khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang. Đối với Nguyễn Văn T khi đến nhà trọ T2, T chạy xe thẳng vào nhà trọ, tại đây T gặp bị cáo Trần Thị Y đang đứng trước cửa nhà trọ, bị cáo Y hỏi T đi đâu, T nói lại kiếm em út, (ý T là muốn kiếm người để mua dâm) bị cáo Y mới kêu T chạy xe thẳng ra phía sau dãy nhà trọ, T chạy xe thẳng ra sau nhà trọ, dựng xe khu vực trước phòng trọ số 9. T có nghe bị cáo Y nói “*Có khách*” nhưng không biết nói với ai, cùng lúc này có Lê Thị C và Nguyễn Thị Kim H, từ quán nước đối diện nhà trọ đi qua gặp T thương lượng giá cả mua bán dâm với giá tiền 300.000 đồng đối với một lần mua bán dâm, tiền phòng nữ bán dâm sẽ thanh toán. Trong quá trình T, C và H nói chuyện với nhau về việc mua bán dâm thì có bị cáo Y cũng ở khu vực này và có bán cho T một chai nước với giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng). Sau khi T đồng ý chọn C để mua dâm thì H bỏ đi, T có móc ra tờ tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) ra đưa cho bị cáo Y đang đứng ở khu vực phòng trọ số 9 để trả tiền mua dâm trước nhưng bị cáo Y không lấy, T đưa qua cho C thì C không có tiền thối nên cũng không nhận nên T cất tiền lại vào túi và có lấy 20.000 đồng ra trả cho bị cáo Y tiền chai nước. Sau đó, C dẫn T vào phòng trọ số 9 trong nhà trọ T để thực hiện hành vi mua bán dâm, khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra bị can Trần Thị Y thừa nhận như sau: bị cáo cho Nguyễn Thị L và Lê Thị C hoạt động mua bán dâm tại nhà trọ T2 do bị cáo làm chủ khoảng 04 (bốn) tháng nay, nhưng hoạt động không thường xuyên. Giữa bị cáo và người bán dâm thỏa thuận khi Nguyễn Thị L và Lê Thị C bán dâm cho khách thì bị cáo Y thu tiền phòng với giá 50.000 đồng/phòng/01 lượt bán dâm đối với phòng có quạt gió và 80.000 đồng/ phòng/01 lượt bán dâm đối với phòng máy

lạnh. Bị cáo cũng thừa nhận trong khoảng thời gian khoảng 04 (bốn) tháng bị cáo Y thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm với số tiền khoảng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:** Bà thuê nhà trọ số 6 nhà trọ T của bị cáo Trần Thị Y để ở và phục vụ bán dâm với giá 1.500.000 đồng/tháng. Khi có khách lại quán uống nước mà có nhu cầu mua dâm thì sẽ thực hiện việc bán dâm, với giá là 300.000 đồng/lượt, trong đó bị cáo Y nhận 50.000 đồng đối với phòng quạt và 80.000 đồng đối với phòng lạnh, số tiền còn lại thì người bán dâm hưởng. Việc thỏa thuận này được đặt ra với bị cáo Y kể cả khi bán dâm không có mặt bị cáo Y hoặc bán dâm tại phòng số 6 do bà đã thuê có trả tiền hàng tháng thì vẫn phải trả tiền phòng như thỏa thuận. Ngày 18/10/2023 trong lúc bà đang thực hiện hành vi bán dâm với người tên Lê Minh P1 tại phòng trọ số 6 nhà nghỉ T3 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C trình bày:** Bà thuê nhà trọ số 9 nhà trọ T của bị cáo Trần Thị Y để ở và phục vụ bán dâm với giá 1.500.000 đồng/tháng. Khi có khách lại quán uống nước mà có nhu cầu mua dâm thì sẽ thực hiện việc bán dâm, với giá là 300.000 đồng/lượt, trong đó bị cáo Y nhận 50.000 đồng đối với phòng quạt và 80.000 đồng đối với phòng lạnh, số tiền còn lại thì người bán dâm hưởng. Việc thỏa thuận này được đặt ra với bị cáo Y kể cả khi bán dâm không có mặt bị cáo Y hoặc bán dâm tại phòng trọ số 09 mà bà đã thuê ở có trả tiền hàng tháng thì vẫn phải trả tiền phòng như thỏa thuận. Ngày 18/10/2023 trong lúc bà đang thực hiện hành vi bán dâm với người tên Nguyễn Văn T tại phòng số 9 nhà nghỉ T3 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm:

- Tại phòng trọ số 6 thuộc nhà trọ T2 tạm giữ: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng; tiền Việt Nam tạm giữ trên người của Lê Minh P1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

- Tại phòng trọ số 9 thuộc nhà trọ T2 tạm giữ: 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, tiền Việt Nam tạm giữ trên người của Nguyễn Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, tiền Việt Nam 25.000 đồng (hai mươi lăm nghìn đồng) của Lê Thị C.

- Tạm giữ các đồ vật do bị cáo Y giao nộp gồm: 04 giấy căn cước công dân tên Trần Thị Y, Nguyễn Thị L, Lê Thị C, Lê Văn V; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59D8000240; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 84/GCN ngày 02/03/2018; 01 giấy ủy quyền ngày 27/04/2012; 01 đầu thu camera (đầu ghi hình hiệu DAHUA XVRIB08-I); 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu realme, Model: RMX3231; Tiền Việt Nam 1.919.000 đồng (một triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, sau khi làm rõ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành trả lại các tài sản, đồ vật cho những người có liên quan như sau:

- Trả lại cho ông Lê Văn V: 01 căn cước công dân số 094055003637 tên Lê Văn V.

- Trả lại cho bà Lê Thị C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, tiền Việt Nam 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng), 01 căn cước công dân số 089187025298 tên Lê Thị C.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L: 01 căn cước công dân số 094175014083 tên Nguyễn Thị Lê .

- Trả lại cho bị cáo Y: 01 căn cước công dân số 094161005983 tên Trần Thị Y; 01 đầu ghi hình hiệu DAHUA XVRIB08-I); 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu realme, Model: RMX3231; Tiền Việt Nam 1.919.000 đồng (một triệu chín trăm mười chín nghìn đồng).

Các tài sản, đồ vật còn lại bao gồm: Tiền Việt Nam tạm giữ của Lê Minh P1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), đây là tiền P1 mang theo dùng để mua dâm; Tiền Việt Nam tạm giữ của Nguyễn Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đây là tiền T mang theo dùng để mua dâm; 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59D8000240; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 84/GCN ngày 02/3/2018; 01 giấy ủy quyền ngày 27/4/2012. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M tiếp tục chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú để đảm bảo quá trình xét xử và thi hành án.

Theo Cáo trạng số: 13/CT-VKS-MT ngày 11/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú để xét xử bị cáo Trần Thị Y về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Y về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 65 điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 tuyên phạt bị cáo Trần Thị Y mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng;
- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền của Lê Minh P1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), và của Nguyễn Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đây là tiền mà P1 và T mang theo dùng để mua dâm.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Y: Bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59D8000240; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 84/GCN ngày 02/3/2018; 01 giấy ủy quyền ngày 27/4/2012.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Trần Thị Y. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là xuất phát từ việc bị cáo có học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo chỉ nghĩ đơn giản cho thuê nhà trọ thì khi khách đến thuê chỉ thu tiền phòng nhưng không nghĩ việc thu tiền trọ của người bán dâm là vi phạm pháp luật. Luật sư thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người khuyết tật nặng trên 60 tuổi được nhà nước trợ cấp thường xuyên, bị cáo có học vấn thấp, gia đình bị cáo có cha mẹ chồng là người có công với cách mạng...Luật sư cũng thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cho bị cáo được hưởng án treo đã thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của nhà nước, tạo điều kiện cho bị cáo vừa có thể chữa bệnh cho bản thân vừa có thể chăm sóc chồng bị bệnh tâm thần còn nặng hơn bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Y không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với kiểm sát viên. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị C.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Y khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Thị Y biết đối tượng Nguyễn Thị L và Lê Thị C thuê phòng nghỉ tại nhà trọ T2 do bị cáo làm chủ để thực hiện hành vi bán dâm, bị cáo không có hành động gì để can ngăn hoặc chấm dứt hợp đồng cho thuê mà còn thỏa thuận với đối tượng L và C để thu tiền phòng từ việc bán dâm với giá 50.000 đồng/phòng/01 lượt bán dâm đối với phòng quạt và 80.000 đồng/phòng/01 lượt bán dâm đối với phòng lạnh với số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng trong khoảng thời gian gần 04 tháng kể từ ngày bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại thời điểm bị bắt quả tang vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/10/2023 thì Nguyễn Thị L và Lê Minh P1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 06, còn bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 09 nhà nghỉ T3 do bị cáo làm chủ thuộc trường hợp *Chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian* theo tình tiết định khung “*phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc đối tượng khuyết tật nặng từ 60 tuổi trở lên được nhà nước trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 3651/QĐ-UBND, ngày 09/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện M, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng; bị cáo có học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về phòng chống mại dâm, làm ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa của xã hội nói chung và địa phương nói riêng. Tuy nhiên, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo thấp hơn khung hình phạt để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với những ai đã làm lỗi biết ăn năn hối cải. Đồng thời hiện nay bản thân bị cáo thuộc trường hợp đối tượng khuyết tật nặng từ đủ 60 tuổi trở lên được nhà nước trợ cấp hàng tháng, bản thân bị cáo mắc một số bệnh như rối loạn tâm thần khác do tổn thương và rối loạn chức năng não, rối loạn chức năng gan và nhịp tim bất thường theo giấy ra viện ngày 11/7/2024 của Bệnh viện T4; Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì hoàn cảnh gia đình bị cáo neo đơn, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc cho chồng là ông Lê Văn V đang bị bệnh tâm thần phân liệt, tiêu đường dẫn đến chứng mù mắt vĩnh viễn, tai bị điếc; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cha chồng bị cáo là ông Lê Phát M được tặng thưởng “Huân chương độc lập hạng

ba”, mẹ chồng là bà Nguyễn Thị B được nhà nước tặng thưởng “ Huân chương kháng chiến hạng ba”. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo chữa bệnh và chăm sóc chồng đang bệnh tâm thần cần có bị cáo là người thân quen chăm sóc thường xuyên. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích nêu trên.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng;
- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền của Lê Minh P1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), và của Nguyễn Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đây là tiền mà P1 và T mang theo dùng để mua dâm.
- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Y: Bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59D8000240; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 84/GCN ngày 02/3/2018; 01 giấy ủy quyền ngày 27/4/2012.

[7] Đối với các đối tượng bán dâm Lê Thị C, Nguyễn Thị L, ngày 21/02/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Đối với các đối tượng mua dâm Nguyễn Văn T, Lê Minh P1 căn cứ vào nhân thân, lai lịch khai báo ban đầu Cơ quan điều tra tiến hành xác minh xử lý. Tuy nhiên, qua xác minh đã xác định Nguyễn Văn T, Lê Minh P1 không phải là người ở địa phương do các đối tượng khai báo gian dối về nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở xác định được đối tượng để xử lý theo quy định pháp luật, nên không đặt ra xem xét, xử lý.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do bị cáo Trần Thị Y trên 60 tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 292; Điều 299; Điều 326; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Thị Y phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

2/ Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Y 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/8/2024. Giao bị cáo Trần Thị Y cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền mua dâm của Lê Minh P1 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) và của Nguyễn Văn T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Y: Bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59D8000240; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 84/GCN ngày 02/3/2018; 01 giấy ủy quyền ngày 27/4/2012.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Y được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- VKS huyện Mỹ Tú;
- CA huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn

